

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ 120**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 31
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 31



## **Công ty Cổ phần Cơ khí 120**

Địa chỉ: Số 609 Trương Định - Hoàng Mai - Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí 120 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cơ khí 120 là doanh nghiệp được thành lập từ việc cổ phần hóa đơn vị kinh tế thuộc Doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Cơ khí 120 trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam theo Quyết định số 2391/QĐ-BGTVT ngày 31/07/2007 về việc phê duyệt phương án chuyển Nhà máy Cơ khí 120 đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 11/07/2008 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội với mã số doanh nghiệp 0102833561, thay đổi lần gần nhất (lần 5) ngày 11/08/2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 609 đường Trương Định, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Hải Châu	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên
Bà Trần Huệ Linh	Thành viên
Ông Lê Huy Hoàng	Thành viên
Bà Lưu Bích Hạnh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Vũ Lợi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Hải Châu (Chủ tịch hội đồng quản trị).

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Minh Hiền	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Thu Hiền	Thành viên
Bà Trần Nguyễn Minh	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

#### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;



## **Công ty Cổ phần Cơ khí 120**

Địa chỉ: Số 609 Trương Định - Hoàng Mai - Hà Nội

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Quang Huy**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cơ khí 120**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí 120 được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh Báo cáo tài chính

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí 120 chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Một số khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 01/01/2023 với số tiền lần lượt là 2,80 tỷ VND và 37,89 tỷ VND và tại thời điểm 31/12/2023 với số tiền lần lượt là 4,64 tỷ VND và 24,01 tỷ VND. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể xác định được tính chính xác, quyền và nghĩa vụ của các khoản công nợ chưa đối chiếu, cũng như không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Cơ khí 120.

Công ty chưa thực hiện trích dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản ứng trước cho người bán không có khả năng thu hồi tại các thời điểm 31/12/2023 và 01/01/2023 với giá trị lần lượt là 274,1 triệu VND và 527,9 triệu VND. Do ảnh hưởng của vấn đề này, chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" (mã số 137) đang bị phản ánh thiếu và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán đang bị phản ánh thừa tại thời điểm 31/12/2023 và 01/01/2023 với giá trị tương ứng. Trên Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" (mã số 26) đang phản ánh thiếu và chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" (chỉ tiêu 50) đang phản ánh thừa giá trị 527,9 triệu VND. Trên Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" (mã số 26)



đang phản ánh thừa và chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" (chỉ tiêu 50) đang phản ánh thiếu giá trị 253,8 tr VND.

Tại ngày 31/12/2023, Báo cáo tài chính của Công ty cho thấy nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 71,28 tỷ VND, lỗ lũy kế là 55,52 tỷ VND khiến vốn chủ sở hữu âm 10,66 tỷ VND; các khoản nợ không có khả năng thanh toán với tổng số tiền 88,68 tỷ VND. Dự án Nhà máy chế tạo kết cấu thép, phụ tùng ô tô tại Hưng Yên đang có vướng mắc với các thủ tục về Hợp đồng thuê đất của dự án. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề khác được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục (xem Thuyết minh số 01 và số 13). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán tuy nhiên không thể đánh giá được khả năng tiếp tục thực hiện của Dự án Nhà máy chế tạo kết cấu thép, phụ tùng ô tô tại Hưng Yên cũng như khả năng tiếp tục hoạt động trên cơ sở giả định hoạt động liên tục của Công ty.

#### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí 120 tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Phạm Anh Tuấn**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0777-2023-002-1  
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

**Hoàng Thúy Nga**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0762-2023-002-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>21.074.168.227</b>	<b>18.225.532.946</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>2.752.191.894</b>	<b>1.341.410.298</b>
111	1. Tiền		1.152.191.894	1.341.410.298
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.600.000.000	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>1.000.000.000</b>	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>14.711.847.659</b>	<b>14.106.325.615</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.467.240.502	2.700.256.026
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	802.881.550	775.881.550
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	12.346.750.852	12.281.471.784
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.905.025.245)	(1.651.283.745)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>9.485.254</b>	<b>177.153.613</b>
141	1. Hàng tồn kho		9.485.254	177.153.613
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.600.643.420</b>	<b>2.600.643.420</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	10	2.600.643.420	2.600.643.420
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>60.702.779.352</b>	<b>62.082.521.460</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>2.474.993.453</b>	<b>2.196.990.243</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.474.993.453	2.196.990.243
222	- Nguyên giá		6.166.881.123	12.340.831.912
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.691.887.670)	(10.143.841.669)
<b>230</b>	<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>14.391.051.448</b>	<b>15.182.585.116</b>
231	- Nguyên giá		19.788.341.593	19.788.341.593
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.397.290.145)	(4.605.756.477)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>43.836.734.451</b>	<b>44.702.946.101</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		43.836.734.451	44.702.946.101
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>81.776.947.579</b>	<b>80.308.054.406</b>

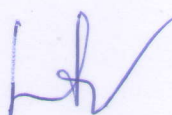


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>92.433.279.121</b>	<b>93.662.395.915</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>92.358.415.481</b>	<b>93.355.714.093</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	16.931.380.840	19.447.478.556
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	874.642
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	388.542.618	379.361.882
314	4. Phải trả người lao động		119.143.800	127.693.020
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		175.255.700	-
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	2.700.005.380	3.082.317.651
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	43.540.235.031	41.576.552.498
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	28.503.852.112	28.741.435.844
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>74.863.640</b>	<b>306.681.822</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	16	-	231.818.182
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	74.863.640	74.863.640
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>(10.656.331.542)</b>	<b>(13.354.341.509)</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>(10.656.331.542)</b>	<b>(13.354.341.509)</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		30.000.000.000	30.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		30.000.000.000	30.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		760.959.408	760.959.408
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.099.298.268	14.099.298.268
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(55.516.589.218)	(58.214.599.185)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(58.214.599.185)	(59.945.933.802)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		2.698.009.967	1.731.334.617
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>81.776.947.579</b>	<b>80.308.054.406</b>



**Phạm Mạnh Hiếu**  
Người lập biểu



**Vũ Thị Phương Lan**  
Trưởng phòng TCKT



**Nguyễn Quang Huy**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Năm 2023*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	11.112.793.858	10.698.014.990
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.112.793.858	10.698.014.990
11	3. Giá vốn hàng bán	22	3.890.729.577	3.745.909.137
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.222.064.281	6.952.105.853
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	23	192.098.645	66.171.060
22	6. Chi phí tài chính	24	3.511.806.469	3.621.960.353
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		3.511.806.469	3.621.960.353
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2.211.339.682	2.000.851.349
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.691.016.775	1.395.465.211
31	9. Thu nhập khác	26	12.260.781.706	10.684.056.306
32	10. Chi phí khác	27	11.253.788.514	10.348.186.900
40	11. Lợi nhuận khác		1.006.993.192	335.869.406
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.698.009.967	1.731.334.617
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>2.698.009.967</u>	<u>1.731.334.617</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	899	577

Phạm Mạnh Hiếu  
Người lập biểu

Vũ Thị Phương Lan  
Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Quang Huy  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Năm 2023**  
**(Theo phương pháp trực tiếp)**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		10.461.848.081	14.256.035.123
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(3.365.664.691)	(2.966.463.147)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(1.704.589.198)	(1.611.092.700)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		13.283.255.986	8.251.768.673
07	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15.196.616.068)	(13.443.901.360)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>3.478.234.110</b>	<b>4.486.346.589</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(529.533.366)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		443.090.909	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.000.000.000)	-
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(2.300.000.000)
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		51.501.577	2.038.868
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(505.407.514)</b>	<b>(2.827.494.498)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(1.559.945.000)	(1.800.000.000)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.100.000)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(1.562.045.000)</b>	<b>(1.800.000.000)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>1.410.781.596</b>	<b>(141.147.909)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>1.341.410.298</b>	<b>1.482.558.207</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3</b>	<b>2.752.191.894</b>	<b>1.341.410.298</b>

Phạm Mạnh Hiếu  
Người lập biểu

Vũ Thị Phương Lan  
Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Quang Huy  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2023**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí 120 là doanh nghiệp được thành lập từ việc cổ phần hóa đơn vị kinh tế thuộc Doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Cơ khí 120 trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam theo Quyết định số 2391/QĐ-BGTVT ngày 31/07/2007 về việc phê duyệt phương án chuyển Nhà máy Cơ khí 120 đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 11/07/2008 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội với mã số doanh nghiệp 0102833561, thay đổi lần gần nhất (lần 5) ngày 11/08/2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 609 đường Trương Định, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 30.000.000.000 VND (Ba mươi tỷ VND). Tương đương 3.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 19 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 20 người).

**Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất kết cấu thép; cho thuê kho, văn phòng.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là cho thuê kho, văn phòng.

**Giả định về hoạt động liên tục**

Tại thời điểm 31/12/2023, tổng nợ ngắn hạn đang lớn hơn tài sản ngắn hạn là 71,28 tỷ VND, lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2023 là 55,52 tỷ VND; vốn chủ sở hữu âm 10,66 tỷ VND; nợ không có khả năng thanh toán với tổng số tiền 88,68 tỷ VND (xem tại thuyết minh số 14, 17 và 18).

Dự án Nhà máy chế tạo kết cấu thép, phụ tùng ô tô tại Hưng Yên hiện đang trong quá trình tạm dừng triển khai để làm việc với cơ quan chức năng về việc hoàn tất thủ tục về Hợp đồng thuê đất và xác định các nghĩa vụ tài chính về đất đai. Do vậy, doanh thu trong năm của Công ty chỉ phát sinh từ hoạt động cho thuê mặt bằng, nhà xưởng tại địa điểm của Dự án này. Hiện tại vẫn chưa có cơ sở chắc chắn để đánh giá khả năng có thể tiếp tục thực hiện dự án, điều này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai.

Các dấu hiệu trên cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty sẽ phụ thuộc vào cam kết hỗ trợ tài chính từ các thành viên góp vốn, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới và quyết định cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về việc phê duyệt Dự án Nhà máy chế tạo kết cấu thép, phụ tùng ô tô tại Hưng Yên. Do vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên giả thiết Công ty vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh và chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào có thể phát sinh từ các sự kiện không chắc chắn này.

**2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



## **2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính dự phòng hàng tồn kho;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

## **2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.5 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.



**2.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Giá trị sản phẩm dở dang cuối năm là các chi phí thực tế phát sinh cho các sản phẩm chưa hoàn thành phát sinh từ năm 2013 trở về trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.7 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị khác	08 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	07 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	08 năm

**2.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà xưởng	25 năm
-------------	--------

**2.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.



**2.10 Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.11 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lợi nhuận theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty sẽ ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC khi kết thúc thời hạn hợp tác và thông báo từ BCC.

**2.12 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.13 Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

**2.14 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

**2.15 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**2.16 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.



Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

## **2.17 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **2.18 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## **2.19 Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm là chi phí đi vay vốn và lãi chậm thanh toán. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **2.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

*Chi phí thuế TNDN hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

*Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành*

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

## **2.21 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.



## 2.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.23 Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là cho thuê nhà xưởng chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	67.354.854	161.845.509
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	1.084.837.040	1.179.564.789
Các khoản tương đương tiền (ii)	1.600.000.000	-
	<b>2.752.191.894</b>	<b>1.341.410.298</b>

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài khoản tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay (chi tiết tại thuyết minh số 18).

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi kỳ hạn 01 tháng có giá trị 1.600.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – chi nhánh Hà Nội với lãi suất từ 4,4%/năm đến 4,75%/năm.

## 4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng có giá trị 1.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – chi nhánh Hà Nội với lãi suất 7,4%/năm.



**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên khác</b>	<b>3.467.240.502</b>	<b>(1.403.283.745)</b>	<b>2.700.256.026</b>	<b>(1.403.283.745)</b>
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thiên Danh An	376.362.760	(376.362.760)	376.362.760	(376.362.760)
Sở Giao thông Vận tải Hòa Bình	349.626.036	(349.626.036)	349.626.036	(349.626.036)
Sở Giao thông Vận tải Thái Nguyên	561.791.816	(561.791.816)	561.791.816	(561.791.816)
Công ty CP Dược Thú y Hà Nội- Chi nhánh Hưng Yên	516.058.848	-	350.734.169	-
Công ty CP Xây lắp và Thương mại Tân Cơ	160.983.960	-	327.978.264	-
Phải thu khách hàng khác	1.502.417.082	(115.503.133)	733.762.981	(115.503.133)
	<b>3.467.240.502</b>	<b>(1.403.283.745)</b>	<b>2.700.256.026</b>	<b>(1.403.283.745)</b>

**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên khác</b>	<b>802.881.550</b>	<b>(501.741.500)</b>	<b>775.881.550</b>	<b>(248.000.000)</b>
Công ty TNHH Xây lắp Công nghệ và Thương mại Ngọc Hải	93.741.500	(93.741.500)	93.741.500	-
Công ty CP Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng	150.000.000	(150.000.000)	150.000.000	(150.000.000)
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	160.000.000	(160.000.000)	160.000.000	-
Viện chuyên ngành kết cấu thép xây dựng	98.000.000	(98.000.000)	98.000.000	(98.000.000)
Các khoản trả trước cho người bán khác	301.140.050	-	274.140.050	-
	<b>802.881.550</b>	<b>(501.741.500)</b>	<b>775.881.550</b>	<b>(248.000.000)</b>



**7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu lãi từ Hợp đồng Hợp tác kinh doanh	72.479.260	-	64.132.192	-
Phải thu người lao động	68.430.433	-	76.491.433	-
Phải thu về tạm ứng	46.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	18.993.000	-	-	-
Phải thu khác	12.140.848.159	-	12.140.848.159	-
- Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP (i)	2.300.000.000	-	2.300.000.000	-
- Các khoản phải thu khác (ii)	9.840.848.159	-	9.840.848.159	-
	<b>12.346.750.852</b>	<b>-</b>	<b>12.281.471.784</b>	<b>-</b>

- (i) Khoản phải thu liên quan đến Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-01/2023 ngày 01 tháng 01 năm 2023 và các phụ lục hợp đồng ký giữa Công ty và Tổng Công ty Công nghiệp Ô Tô Việt Nam (Vinamotor) về việc hợp tác đầu tư theo các phương án đầu tư về nhập khẩu linh kiện để sản xuất lắp ráp ô tô và tổ chức sản xuất lắp ráp ô tô thành phẩm. Theo đó, Công ty góp vốn với số tiền là 2.300.000.000 VND, Vinamotor xây dựng các phương án kinh doanh, tiến hành quản lý vốn góp hợp tác để bảo đảm tối ưu hóa nguồn lợi thu được từ việc sử dụng vốn góp hợp tác. Thời hạn hợp tác là 01 năm và gia hạn theo các phụ lục kèm theo. Khi kết thúc thời hạn hợp tác, các bên tiến hành phân chia kết quả hợp tác bằng biên bản phân chia kết quả hợp tác. Lợi nhuận từ hợp tác đầu tư chia cho mỗi bên theo tỷ lệ vốn góp thực tế của mỗi bên trong phương án đầu tư. Trường hợp số lợi nhuận chia cho Công ty (theo tỷ lệ vốn góp) thấp hơn số lợi nhuận đầu tư tối thiểu (được tính bằng tổng số tiền góp vốn đầu tư của Công ty nhân (x) lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á tại ngày kết thúc hợp tác đầu tư nhân (x) số ngày tính từ khi Công ty chuyển tiền đến ngày kết thúc hợp tác đầu tư) thì Vinamotor sẽ phải thanh toán cho Công ty phần chênh lệch này. Trong năm 2023, lợi nhuận Công ty theo quy định hợp đồng là 140.597.068 VND.
- (ii) Khoản tiền đền bù giải phóng mặt bằng của 156.321 m<sup>2</sup> đất tại Hưng Yên (trong đó 148.613 m<sup>2</sup> đất tại xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ và 7.708 m<sup>2</sup> đất tại xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang) để thực hiện dự án Nhà máy chế tạo kết cấu thép, phụ tùng ô tô tại Hưng Yên. Chi phí này được bù trừ với tiền thuê đất phải nộp theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 về tiền thuê đất, thuê mặt nước.



**8 NỢ XẤU**

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Sở Giao thông Vận tải Ninh Bình	91.791.818	-	91.791.818	-
Sở Giao thông Vận tải Hòa Bình	349.626.036	-	349.626.036	-
Sở Giao thông Vận tải Thái Nguyên	561.791.816	-	561.791.816	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thiên Danh An	376.362.760	-	376.362.760	-
Công ty CP Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng	150.000.000	-	150.000.000	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	160.000.000	-	160.000.000	160.000.000
Các khoản khác	489.592.865	274.140.050	485.543.246	363.831.931
	<b>2.179.165.295</b>	<b>274.140.050</b>	<b>2.175.115.676</b>	<b>523.831.931</b>

**9 HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	97.082.213	-
Công cụ, dụng cụ	9.485.254	-	18.088.587	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	61.982.813	-
	<b>9.485.254</b>	<b>-</b>	<b>177.153.613</b>	<b>-</b>

**10 THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế GTGT của hoạt động đầu tư dự án tại Hưng Yên (i)	2.600.643.420	2.600.643.420
	<b>2.600.643.420</b>	<b>2.600.643.420</b>

(i) Đây là các khoản thuế GTGT của dự án Nhà máy chế tạo kết cấu thép, phụ tùng ô tô tại Hưng Yên phát sinh từ năm 2007 đến năm 2012. Công ty chưa được hoàn thuế do chưa thanh toán hết các khoản công nợ với các nhà cung cấp của dự án.



**11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	342.877.769	11.575.065.782	386.316.933	36.571.428	12.340.831.912
- Đầu tư XDCB hoàn thành	866.211.650	-	-	-	866.211.650
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6.696.344.078)	(343.818.361)	-	(7.040.162.439)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.209.089.419</b>	<b>4.878.721.704</b>	<b>42.498.572</b>	<b>36.571.428</b>	<b>6.166.881.123</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	109.720.888	9.611.232.420	386.316.933	36.571.428	10.143.841.669
- Khấu hao trong năm	100.336.270	487.872.170	-	-	588.208.440
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6.696.344.078)	(343.818.361)	-	(7.040.162.439)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>210.057.158</b>	<b>3.402.760.512</b>	<b>42.498.572</b>	<b>36.571.428</b>	<b>3.691.887.670</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	233.156.881	1.963.833.362	-	-	2.196.990.243
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>999.032.261</b>	<b>1.475.961.192</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.474.993.453</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 79.070.000 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 7.119.232.439 VND)



**12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà xưởng VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	19.788.341.593	19.788.341.593
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>19.788.341.593</b>	<b>19.788.341.593</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	4.605.756.477	4.605.756.477
- Khấu hao trong năm	791.533.668	791.533.668
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.397.290.145</b>	<b>5.397.290.145</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	15.182.585.116	15.182.585.116
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>14.391.051.448</b>	<b>14.391.051.448</b>

Trong năm 2023, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 10.776.430.312 VND (năm 2022 là 10.362.276.762 VND);

Các khoản tiền thuê thu được hàng năm trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh số 20.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

**13 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>43.836.734.451</b>	<b>44.702.946.101</b>
- Dự án Nhà máy chế tạo kết cấu thép, phụ tùng ô tô tại Hưng Yên (i)	43.836.734.451	44.702.946.101
	<b>43.836.734.451</b>	<b>44.702.946.101</b>

(i) Thông tin chi tiết về dự án:

- Tên dự án: Nhà máy chế tạo kết cấu thép, phụ tùng ô tô tại Hưng Yên;
- Địa điểm: xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ và xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên;
- Quy mô dự án: xây dựng nhà máy chế tạo kết cấu thép trên khu đất thuê có diện tích là 156.321 m<sup>2</sup> đất trong đó 148.613 m<sup>2</sup> đất tại Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ và 7.708 m<sup>2</sup> đất tại Xã Vĩnh Khúc, Huyện Văn Giang;
- Tổng vốn đầu tư: 193.757.675.000 VND.
- Nguồn vốn đầu tư: bằng nguồn vốn đi vay và vốn tự có của công ty;
- Tình hình thực hiện dự án:
  - + Do việc thực hiện đầu tư dự án chậm tiến độ, ngày 15/07/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định số 1309/QĐ-UBND về việc thu hồi toàn bộ diện tích đất đã cho Công ty thuê. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên cũng đã ban hành các Quyết định: số 1675/QĐ-UB ngày 27/8/2009 về việc thu hồi các văn bản chấp thuận dự án; số 1722/QĐ-UBND ngày 20/01/2011 về việc hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Công ty;
  - + Không đồng tình với các quyết định này, Công ty đã khiếu nại lên Thanh tra Chính phủ. Ngày 02/12/2013, Thanh tra Chính phủ ban hành Báo cáo số 2781/TTCP về kết quả kiểm tra, rà soát lại nội dung khiếu nại của Công ty Cổ phần Cơ khí 120. Báo cáo kiến nghị:
    - i) Hủy bỏ Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 15/07/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc thu hồi 156.321 m<sup>2</sup> đất đã cấp cho Công ty Cổ phần Cơ khí 120;



- ii) Hủy bỏ Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 20/01/2011 về việc hủy bỏ các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp vì chưa đủ thời gian thu hồi theo quy định của Pháp luật về đất đai;
  - iii) Khôi phục lại giá trị pháp lý của các quyết định giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đây cho Công ty Cổ phần Cơ khí 120;
  - iv) Yêu cầu Công ty Cổ phần Cơ khí 120 phải đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư và hoàn thiện đầy đủ các thủ tục đầu tư xây dựng theo quy định.
- + Thực hiện theo kiến nghị của Thanh tra Chính phủ, Công ty đã làm việc với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên và đi đến thống nhất nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế tạo kết cấu thép và phụ tùng ô tô tại Khu công nghiệp Yên Mỹ - Hưng Yên là 72.285 m<sup>2</sup>, gồm 7.467 m<sup>2</sup> tại xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang và 64.818 m<sup>2</sup> tại xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ; thời hạn sử dụng 50 năm từ ngày 13/05/2005; theo hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. Diện tích này không bao gồm 2.841 m<sup>2</sup> đất mà Công ty đã sử dụng để làm đường và vẫn đang nộp tiền thuê đất theo thông báo của Cục thuế địa phương. Đối với phần chi phí hợp lý mà Công ty Cổ phần Cơ khí 120 đã đầu tư vào diện tích còn lại của khu đất là 80.397 m<sup>2</sup> và 798 m<sup>2</sup> dự kiến làm đường sẽ kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên hoàn trả lại cho Công ty theo quy định của pháp luật.
- + Ngày 06/11/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên đã ra Quyết định số 2572/QĐ-UBND với các nội dung:
- i) Phê duyệt chi phí đầu tư vào đất còn lại của Công ty Cổ phần Cơ khí 120 đối với phần diện tích 81.195 m<sup>2</sup> như sau: chi phí đầu tư vào đất thời điểm đầu tư (quý 4/2016) là 10.714.054.000 VND; chi phí đầu tư vào đất còn lại tại thời điểm tháng 10/2016 là 30.085.724.000 VND;
  - ii) Giao Cục thuế tỉnh Hưng Yên xác định các khoản nghĩa vụ tài chính về đất đai mà Công ty Cổ phần Cơ khí 120 phải nộp;
  - iii) Giao Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên chủ trì phối hợp Cục thuế tỉnh Hưng Yên thực hiện đối trừ chi phí đầu tư vào đất còn lại và các khoản chi phí phải nộp; xác định kinh phí Công ty đã chi trả bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với toàn bộ dự án để tính vào chi phí đầu tư của dự án hoặc đối trừ vào tiền thuê đất theo quy định.
- + Ngày 24/03/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên đã ra Thông báo số 189/TB-STNMT về việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất và điều kiện thuê đất của Công ty Cổ phần Cơ khí 120, trong đó yêu cầu Công ty thực hiện thủ tục ký quỹ với mức ký quỹ là 3% tổng vốn đầu tư quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư. Công ty đã gửi công văn đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên bù trừ khoản tiền cần ký quỹ với khoản tiền đã đền bù giải phóng mặt bằng đang theo dõi trên thuyết minh số 7. Tại thời điểm 31/12/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên chưa có văn bản trả lời về vấn đề trên.

#### 14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên khác</b>	<b>16.931.380.840</b>	<b>18.385.418</b>	<b>19.447.478.556</b>	<b>483.890.014</b>
Công ty CP Điện tử	296.258.160	-	336.258.160	-
Tin học Hóa chất				
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Quỳnh Minh (1)	9.801.175.228	-	10.626.175.228	-
Công ty CP Công nghiệp BITECH	-	-	382.218.400	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Thành An 665 (2)	5.124.112.068	-	5.879.112.068	-
Phải trả cho các đối tượng khác	1.709.835.384	18.385.418	2.223.714.700	483.890.014
	<b>16.931.380.840</b>	<b>18.385.418</b>	<b>19.447.478.556</b>	<b>483.890.014</b>



	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
Công ty CP Điện tử Tin học Hóa chất	296.258.160	-	336.258.160	-
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Quỳnh Minh (1)	9.801.175.228	-	10.626.175.228	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Thành An 665 (2)	5.124.112.068	-	5.879.112.068	-
Phải trả cho các đối tượng khác	1.691.449.966	-	2.122.043.086	-
	<b>16.912.995.422</b>	<b>-</b>	<b>18.963.588.542</b>	<b>-</b>

(1) Đây là khoản phải trả về hợp đồng mua bán hàng hóa phát sinh từ năm 2008. Do có tranh chấp về nghĩa vụ theo hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty và Công ty TNHH Kim khí Thương mại Quỳnh Minh (nay là Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Quỳnh Minh), phía Công ty TNHH Kim khí Thương mại Quỳnh Minh đã kiện Công ty ra Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định thi hành án số 30.KTTĐ/QĐ-CCTHADS ngày 07/03/2018, Công ty phải thanh toán cho Công ty TNHH Kim Khí và Thương mại Quỳnh Minh số tiền mua hàng còn thiếu là 4.637.777.759 VND và số tiền lãi chậm trả tính trên số dư nợ từ năm 2008 là 9.461.481.561 VND. Công ty đã ghi nhận toàn bộ số lãi chậm trả nêu trên vào Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018. Trong năm, Công ty đã thanh toán một phần công nợ phải trả cho Công ty TNHH Kim khí Thương mại Quỳnh Minh theo Quyết định thi hành án, số tiền còn phải trả tại thời điểm 31/12/2023 là 9.801.175.228 VND.

(2) Đây là khoản phải trả về hợp đồng thi công đổ đất, san nền tại Hưng Yên phát sinh từ năm 2005. Do có tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665, phía Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665 đã kiện Công ty ra Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Theo Quyết định số 711/QĐ-CCTHA ngày 11/08/2011 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai thì Công ty phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665 số tiền 7.829.112.068 VND. Trong năm 2012, Công ty đã thanh toán được 600.000.000 VND trong số nợ nêu trên.
- Theo thông báo số 30/TB-CTHA ngày 12/10/2012 của Cục thi hành án dân sự Tỉnh Hưng Yên Công ty phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665 số tiền 7.229.112.068 VND trong thời hạn 15 ngày, nếu hết thời hạn nêu trên Cục thi hành án dân sự Tỉnh Hưng Yên sẽ tiến hành biện pháp cưỡng chế khoản tiền Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên chi trả do Sở Tài chính Tỉnh Hưng Yên quản lý.
- Ngày 29/06/2015 Cục thi hành án dân sự Tỉnh Hưng Yên có Quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665, do người phải thi hành án không có điều kiện thi hành án.
- Trong năm 2023, Công ty đã thanh toán được 755.000.000 VND cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665 trên số dư nợ phải trả theo thông báo số 30/TB-CTHA ngày 12/10/2012 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, số dư còn phải trả tại thời điểm 31/12/2023 là 5.124.112.068 VND.



**15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	258.268.497	1.188.770.503	1.193.308.626	253.730.374
Thuế thu nhập cá nhân	-	17.400.451	-	17.400.451
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	121.090.621	1.479.726.540	1.483.405.368	117.411.793
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.764	3.412.765	3.415.529	-
	<b>379.361.882</b>	<b>2.689.310.259</b>	<b>2.680.129.523</b>	<b>388.542.618</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	2.700.005.380	3.082.317.651
	<b>2.700.005.380</b>	<b>3.082.317.651</b>
b) <b>Dài hạn</b>		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	-	231.818.182
	-	<b>231.818.182</b>

**17 PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	7.290.979	38.203.647
Các khoản phải trả, phải nộp khác	43.532.944.052	41.538.348.851
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	48.325.445	50.425.445
- Thù lao HĐQT	130.000.000	130.000.000
- Phải trả Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP	145.452.094	337.702.094
- Phải trả Công ty TNHH Sinh Việt (1)	6.324.730.287	6.324.730.287
- Phải trả Công ty CP Đầu tư CMC (2)	2.500.000.000	2.500.000.000
- Phải trả Công ty CP Ô tô TMT tiền vay không tính lãi	500.000.000	500.000.000
- Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	22.792.386.299	21.022.020.550
- Phải trả lãi vay Công ty TNHH Đại Dương	10.998.439.080	10.579.359.628
- Phải trả, phải nộp khác	93.610.847	94.110.847
	<b>43.540.235.031</b>	<b>41.576.552.498</b>
b) <b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	74.863.640	74.863.640
	<b>74.863.640</b>	<b>74.863.640</b>



	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
- Phải trả Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP	145.452.094	337.702.094
- Phải trả Công ty TNHH Sinh Việt (1)	6.324.730.287	6.324.730.287
- Phải trả Công ty CP Đầu tư CMC (2)	2.500.000.000	2.500.000.000
- Phải trả Công ty CP Ô tô TMT tiền vay không tính lãi	500.000.000	500.000.000
- Phải trả lãi vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	22.792.386.299	21.022.020.550
- Phải trả lãi vay Công ty TNHH Đại Dương	10.998.439.080	10.579.359.628
	<b>43.261.007.760</b>	<b>41.263.812.559</b>

(1) Đây là khoản phải trả về tiền thuê đất theo biên bản thống nhất tiến độ trả tiền và nhận bàn giao đất ngày 10/08/2006 giữa Nhà máy Cơ khí 120 (nay là Công ty CP Cơ khí 120) và Công ty TNHH Sinh Việt. Cụ thể:

- Tổng số tiền Công ty TNHH Sinh Việt phải trả để nhận khu đất là 7,5 tỷ VND. Trong năm 2006, Công ty TNHH Sinh Việt đã thanh toán cho công ty 6,32 tỷ VND.
- Công ty đã bàn giao 3 ha đất nằm trong Khu công nghiệp Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên cho Công ty TNHH Sinh Việt từ năm 2006, nhưng do vướng mắc trong quá trình bàn giao đất giữa Công ty Cổ phần Cơ khí 120 và Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên nên Công ty TNHH Sinh Việt chưa được sử dụng tại lô đất này.
- Ngày 23/12/2011, Công ty TNHH Sinh Việt đã gửi Công văn số 0112/CV đề nghị Công ty Cổ phần Cơ khí 120 hoàn trả lại số tiền 6,32 tỷ VND.

(2) Đây là khoản phải trả về tiền thuê đất theo biên bản thống nhất tiến độ trả tiền và nhận bàn giao đất ngày 10/08/2006 giữa Nhà máy Cơ khí 120 (nay là Công ty Cổ phần Cơ khí 120) và Công ty Cổ phần Xây dựng và Cơ khí số 1 (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư CMC). Cụ thể:

- Tổng số tiền Công ty CP Đầu tư CMC phải trả để nhận khu đất là 6,25 tỷ VND. Trong năm 2006, Công ty Cổ phần Đầu tư CMC đã thanh toán cho công ty 2,5 tỷ VND.
- Công ty đã bàn giao 2,5 ha đất nằm trong Khu công nghiệp Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên cho Công ty CP Đầu tư CMC từ năm 2006, nhưng do vướng mắc trong quá trình bàn giao đất giữa Công ty Cổ phần Cơ khí 120 và Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên nên Công ty Cổ phần Đầu tư CMC chưa được sử dụng tại lô đất này.
- Ngày 21/12/2011, Công ty CP Đầu tư CMC đã gửi Công văn số 69/TC-KT đề nghị Công ty Cổ phần Cơ khí 120 hoàn trả lại số tiền 2,5 tỷ VND.



**Công ty Cổ phần Cơ khí 120**

Địa chỉ: Số 609 Trương Định - Hoàng Mai - Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**18 VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn (i)</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà	12.648.034.709	-	-	759.945.000	11.888.089.709	-
Công ty TNHH Đại Dương	3.790.000.000	-	-	600.000.000	3.190.000.000	-
Vay cá nhân	12.303.401.135	-	1.322.361.268	200.000.000	13.425.762.403	-
	<b>28.741.435.844</b>	<b>-</b>	<b>1.322.361.268</b>	<b>1.559.945.000</b>	<b>28.503.852.112</b>	<b>-</b>

Toàn bộ các khoản vay của Công ty đã quá hạn thanh toán tại thời điểm 31/12/2023 nhưng chưa có phụ lục gia hạn bổ sung thời gian thanh toán.

(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>				<b>28.503.852.112</b>	<b>28.741.435.844</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	VND	Theo từng khế ước nhận nợ	Thế chấp (1)	11.888.089.709	12.648.034.709
Công ty TNHH Đại Dương	VND	12%/năm	Tín chấp	3.190.000.000	3.790.000.000
Vay cá nhân	VND	Theo từng khế ước nhận nợ	Tín chấp	13.425.762.403	12.303.401.135
				<b>28.503.852.112</b>	<b>28.741.435.844</b>

(1) Cẩm cố cổ phiếu của Ông Lê Huy Hoàng và Ông Phạm Như Hiện là tài sản bên thứ 3; Thế chấp quyền thuê tài sản là đất tại Hưng Yên; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng khác; Thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ quyền đòi nợ phát sinh từ các Hợp đồng thi công xây lắp.



**Số vay quá hạn chưa thanh toán**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	11.888.089.709	22.792.386.299	12.648.034.709	21.022.020.550
Công ty TNHH Đại Dương	3.190.000.000	10.998.439.080	3.790.000.000	10.579.359.628
Vay cá nhân	13.425.762.403	-	12.303.401.135	-
	<b>28.503.852.112</b>	<b>33.790.825.379</b>	<b>28.741.435.844</b>	<b>31.601.380.178</b>

**19 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>760.959.408</b>	<b>14.099.298.268</b>	<b>(59.945.933.802)</b>	<b>(15.085.676.126)</b>	<b>1.731.334.617</b>	<b>1.731.334.617</b>	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>760.959.408</b>	<b>14.099.298.268</b>	<b>(58.214.599.185)</b>	<b>(13.354.341.509)</b>	<b>(13.354.341.509)</b>	<b>2.698.009.967</b>	
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>760.959.408</b>	<b>14.099.298.268</b>	<b>(58.214.599.185)</b>	<b>(13.354.341.509)</b>	<b>(13.354.341.509)</b>	<b>2.698.009.967</b>	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>760.959.408</b>	<b>14.099.298.268</b>	<b>(55.516.589.218)</b>	<b>(10.656.331.542)</b>	<b>(10.656.331.542)</b>	<b>2.698.009.967</b>	



**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023	Tỷ lệ
	VND		VND	
Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP	-	0,00%	13.658.000.000	45,53%
Bà Hoàng Thùy My	7.000.000.000	23,33%	-	0,00%
Bà Trần Thị Yến Hà	6.658.000.000	22,19%	-	0,00%
Ông Lê Huy Hoàng	1.508.000.000	5,03%	1.508.000.000	5,03%
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	1.514.550.000	5,05%	1.514.550.000	5,05%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	3.000.000.000	10,00%	3.000.000.000	10,00%
Cổ đông khác	10.319.450.000	34,40%	10.319.450.000	34,40%
	<b>30.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000

**e) Các quỹ của công ty**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	14.099.298.268	14.099.298.268
	<b>14.099.298.268</b>	<b>14.099.298.268</b>

**20 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2023, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	10.203.066.219	9.955.402.120
Từ 1 năm đến 5 năm	17.978.233.204	34.627.957.624



**b) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại 921-923 Giải Phóng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích làm văn phòng; diện tích đất thuê là 678,4 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty đã làm việc với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên và đi đến thống nhất nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế tạo kết cấu thép và phụ tùng ô tô tại Khu công nghiệp Yên Mỹ - Hưng Yên là 75.126 m<sup>2</sup>, gồm 7.708 m<sup>2</sup> tại xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang và 67.418 m<sup>2</sup> tại xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ; thời hạn sử dụng 50 năm từ ngày 13/05/2005; theo hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

**21 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.112.793.858	10.698.014.990
	<b><u>11.112.793.858</u></b>	<b><u>10.698.014.990</u></b>

**22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.890.729.577	3.745.909.137
	<b><u>3.890.729.577</u></b>	<b><u>3.745.909.137</u></b>

**23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	192.098.645	66.171.060
	<b><u>192.098.645</u></b>	<b><u>66.171.060</u></b>

**24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	3.511.806.469	3.621.960.353
	<b><u>3.511.806.469</u></b>	<b><u>3.621.960.353</u></b>



**25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	1.221.313.539	1.139.784.239
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	44.709.093	42.796.007
Thuế, phí và lệ phí	317.474.220	286.394.704
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	253.741.500	248.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.138.409	19.540.370
Chi phí khác bằng tiền	256.962.921	264.336.029
	<b>2.211.339.682</b>	<b>2.000.851.349</b>

**26 THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	443.090.909	-
Thu từ dịch vụ điện nước	11.817.689.738	10.684.056.306
Thu nhập khác	1.059	-
	<b>12.260.781.706</b>	<b>10.684.056.306</b>

**27 CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhượng bán công cụ dụng cụ	167.668.359	-
Chi phí dịch vụ điện, nước	11.085.706.790	10.243.081.365
Các khoản bị phạt	412.765	104.002.764
Các khoản khác	600	1.102.771
	<b>11.253.788.514</b>	<b>10.348.186.900</b>

**28 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	2.698.009.967	1.731.334.617
Các khoản điều chỉnh tăng	1.412.765	105.104.997
- Các khoản tiền phạt, chi phí không hợp lệ	1.412.765	105.104.997
Thu nhập chịu thuế TNDN	2.699.422.732	1.836.439.614
Lỗ được kết chuyển	(2.699.422.732)	(1.836.439.614)
Thu nhập tính thuế	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**29 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	2.698.009.967	1.731.334.617
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.698.009.967	1.731.334.617
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	3.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>899</b>	<b>577</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.018.133	58.096.175
Chi phí nhân công	2.443.872.932	2.277.184.978
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	44.709.093	50.087.674
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.379.742.108	1.293.120.948
Thuế, phí và lệ phí	1.482.726.540	1.448.286.424
Chi phí dự phòng	253.741.500	248.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.782.901	57.750.346
Chi phí khác bằng tiền	282.476.052	314.233.941
	<b>6.102.069.259</b>	<b>5.746.760.486</b>

**31 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	1.559.945.000	1.800.000.000

**32 THÔNG TIN KHÁC**

Theo Biên bản thanh tra tài chính tại Công ty Cổ phần Cơ khí 120 của Đoàn Thanh tra Bộ Giao thông Vận tải ngày 27/09/2012, trong năm 2010 Công ty hạch toán giảm TSCĐ nhà, xưởng trên đất tại số 609 Trương Định để chuyển nhà máy sản xuất về Hưng Yên. Giá trị còn lại của tài sản đã tháo dỡ được ghi nhận vào chi phí khác trong năm 2010 là 2.696.848.570 VND. Đối với phần vật tư, khung nhà xưởng cũ được tận dụng để lắp nhà xưởng mới tại Hưng Yên, Công ty chưa lập Hội đồng thẩm định giá để làm cơ sở định giá đưa vào giá trị công trình mới tại Hưng Yên. Giá trị của phần vật tư tận dụng này của Đoàn Thanh tra căn cứ theo dự toán đầu tư mới do Công ty lập là 4.428.967.977 VND. Đến thời điểm 31/12/2023, công trình chưa được quyết toán hoàn thành, giá trị vật tư thu hồi tận dụng chưa được Công ty đánh giá ghi nhận trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.



**33 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**34 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

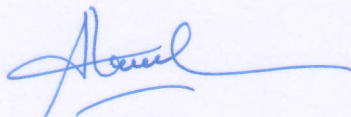
Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Đặng Hải Châu	Chủ tịch HĐQT	12.000.000	11.000.000
Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	81.840.000	73.100.000
Phạm Vũ Lợi	Phó Tổng giám đốc	145.418.320	141.948.700
Lê Thanh Hùng	Phó Tổng giám đốc	139.682.400	133.455.800
Trần Huệ Linh	Thành viên HĐQT	12.000.000	11.000.000
Lê Huy Hoàng	Thành viên HĐQT	12.000.000	24.000.000
Lưu Bích Hạnh	Trưởng ban kiểm soát	12.000.000	24.000.000
Vũ Thị Minh Hiền	Thành viên ban kiểm soát	12.000.000	11.000.000
Trần Nguyệt Minh	Thành viên ban kiểm soát	6.000.000	5.500.000
Bùi Thị Thu Hiền	Thành viên ban kiểm soát	6.000.000	5.500.000


Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

**35 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



**Phạm Mạnh Hiếu**  
Người lập biểu



**Vũ Thị Phương Lan**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Quang Huy**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024